

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG TÀI
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/ST- HNGĐ

Ngày: 24/4/2024

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG TÀI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Sướng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Đức Hùng, ông Nguyễn Duy Mạnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tá Tuấn - Kiểm sát viên sơ cấp.

Hôm nay, ngày 24 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Tài tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2023/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 16/03/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Đoàn Hồng N, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Số A L, khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt

Người bảo vệ quyền lợi cho anh T: Ông Nguyễn Chí D- Luật sư thuộc Công ty L – Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Đoàn Hồng N trình bày:

Chị N trình bày: Tôi kết hôn với anh Nguyễn Đình T vào ngày 31/12/2019. Trước khi cưới chúng tôi có được tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2021 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T hay rượu chè về chửi bới đánh đập tôi. Vợ chồng bất đồng về cách suy nghĩ và quan

điểm sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 06/2023 cho đến nay. Nay xác định vợ chồng không còn tình cảm tôi xin được ly hôn với anh **T**.

Về con chung vợ chồng có 01 con chung là cháu **Nguyễn Đình Gia K**, sinh 08/08/2020, hiện nay cháu đang ở với bố. Trường hợp vợ chồng ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Đình Gia K**. Tôi không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Trước đây tôi có yêu cầu về chia tài sản chung vợ chồng gồm: Thửa đất số 124, tờ bản đồ số 32, diện tích 817,5m² tại thôn Bản Dạ, **xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn** và tài sản trên đất, 01 xe oto nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát: 99A-356.60 mang tên **Nguyễn Đình T**, 01 xe oto tải mà anh **T** mua khoảng đầu tháng 10/2023, các đồ dùng nội thất trong nhà trị giá khoảng 30 triệu đồng và phần công nợ còn nợ bố mẹ đẻ tôi nay tôi xin rút toàn bộ yêu cầu về tài sản chung và công nợ, không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

- Bị đơn là anh **Nguyễn Ngọc T1 trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn như chị **N** trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống về kinh tế. Anh **T1** xác định không còn tình cảm với chị **N** nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Nguyễn Đình Gia K** (sinh ngày 08/8/2020). Hiện nay, cháu **K** đang ở với anh **T1**, vẫn khoẻ mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, anh **T1** có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh **T1** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị **H trình bày:** đề nghị Toà án buộc vợ chồng anh **T1**, chị **N** phải trả lại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 32, diện tích 817,5m² tại thôn Bản Dạ, **xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn**, chị **H** sẽ thanh toán giá trị tài sản trên đất cho vợ chồng anh **T1** sau khi trừ số tiền nợ là 130.000.000 đồng. Ngày 06/3/2024, chị **H** có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập

Tại phiên tòa chị **N** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Chị xác định vợ chồng không còn, tình cảm cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh **T1**;

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Nguyễn Đình Gia K** (sinh ngày 08/8/2020). Hiện nay, cháu **K** đang ở với anh **T1**, vẫn khoẻ mạnh và phát triển bình

thường. Khi ly hôn, chị **N** có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa anh **T1** cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn. Anh **T1** xác định vợ chồng không còn tình cảm không thể sống chung. Nay chị **N** có đơn xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi dưỡng con chung là cháu **Nguyễn Đình Gia K**, sinh 08/08/2020,. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu chị **N** đóng góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX: Căn cứ các đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 – Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35,39, 147, 217, 219,227,228 – BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa chị **Đoàn Hồng N** với anh **Nguyễn Ngọc T1**.

Giao con chung là cháu **Nguyễn Đình Gia K** (sinh ngày 08/8/2020). cho anh **T1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét giải quyết. Chị **N** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Nguyên đơn và bị đơn không đề nghị nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Đình chỉ yêu cầu của chị **Nguyễn Thị H** về việc buộc vợ chồng anh **T1**, chị **N** phải trả lại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 32, diện tích 817,5m² tại thôn Bản Dạ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, chị **H** sẽ thanh toán giá trị tài sản trên đất cho vợ chồng anh **T1** sau khi trừ số tiền nợ là 130.000.000 đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình: Chị **Đoàn Hồng N** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho anh **T1** trình bày bản luận cứ: Đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị **N** và anh **T1**, Giao con chung là cháu **Nguyễn Đình Gia K** (sinh ngày 08/8/2020). cho anh **T1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, đương sự trong vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án

Chị **N** có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung. Yêu cầu khởi kiện của chị **N** được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Chị **N** và anh **T1** đều có nơi cư trú ở **huyện L**. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Tài;

Về người tham gia tố tụng: **Chi Đoàn H** có ký hợp đồng đại diện pháp lý với ông **Phạm Duy K1**, Trong nội dung hợp đồng có đoạn: “ Bên A hiểu biết pháp luật, pháp lý còn hạn chế, nên bên A yêu cầu bên B sẽ là đại diện đồng thời là bên nhận ủy quyền và thay mặt và nhân danh bên A...”. Như vậy, ở đây có thể hiểu chị **N** đã ủy quyền cho anh **K1**. Tuy nhiên, quan hệ về hôn nhân là quan hệ về nhân thân nên không được ủy quyền còn về phần tài sản chị **N** đã rút toàn bộ yêu cầu do đó không đưa ông **K1** vào tham gia tố tụng là người được chị **N** ủy quyền trong vụ án này.

[2] Nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Đoàn Hồng N** và anh **Nguyễn Đình T** kết hôn vào ngày 28/11/2019, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh**. Cả hai đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Việc kết hôn được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị **N** và anh **T** xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị **N** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị tha thiết xin ly hôn. Anh **T** xác nhận việc vợ chồng sống chung có mâu thuẫn nay chị **N** có đơn xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Việc chị **N** anh **T** thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc và không trái đạo đức xã hội nên cần được công nhận.

- **Về con chung:** Chị **N** và anh **T** đều xác định: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Nguyễn Đình Gia K** (sinh ngày 08/8/2020). Hiện nay, cháu **K** đang ở với anh **T**, vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị **N** và anh **T** đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu **K** và không yêu cầu cấp dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị **N** và anh **T** đều cung cấp căn cứ để được nuôi dưỡng con chung. Xét về điều kiện kinh tế, chị **N** và anh **T** đều có thu nhập, tài sản đảm bảo việc nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, cháu **K** hiện ở với bố và ông bà nội, đang theo học

tại trường mầm non xã T, được chăm sóc và giáo dục đầy đủ. Nên để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện của cháu K, tránh sự xáo trộn về điều kiện sống và tâm sinh lý của cháu nên cần giao cháu K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị N và anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ do chị N và anh T không đề nghị xem xét giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra xem xét giải quyết.

*** Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh T, chị N phải trả lại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 32, diện tích 817,5m² tại thôn Bản Dạ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, chị H sẽ thanh toán giá trị tài sản trên đất cho vợ chồng anh T sau khi trừ số tiền nợ là 130.000.000 đồng. Ngày 06/3/2024, chị H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Xét thấy, việc rút yêu cầu độc lập của chị H là tự nguyện và không bị ép buộc. Vì vậy, cần đình chỉ yêu cầu độc lập của chị H và trả lại chị H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28,35,39, 147; 217;219 Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân & gia đình;

Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Xử: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Hồng N với anh Nguyễn Ngọc T1.

Giao con chung là cháu Nguyễn Đình Gia K (sinh ngày 08/8/2020). cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Nguyên đơn và bị đơn không đề nghị nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc buộc vợ chồng anh T1, chị N phải trả lại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 32, diện tích 817,5m² tại thôn Bản Dạ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, chị H sẽ thanh toán giá trị tài sản trên đất cho vợ chồng anh T1 sau khi trừ số tiền nợ là 130.000.000 đồng.

Trả lại chị Nguyễn Thị H 3.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002973 ngày 31/01/2024 của Chi cục thi hành án huyện Lương Tài.

Về án phí: Chị Đoàn Hồng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002911 ngày 02/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Mạnh Nguyễn Đức H1

Nguyễn Xuân S

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã Trùng Xá;
- Lưu án văn, hồ sơ

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Sương